

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HD
TỈNH HD

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 63/2018/HSST

Ngày: 02/4/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HD - TỈNH HD

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công Hoan - Giáo viên nghỉ hưu.
2. Bà Nguyễn Thị Tươi – Phó chủ Tịch MTTQ thành phố.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hải - Thư ký Toà án nhân dân thành phố HD.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố HD tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Long - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 02 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố HD, tỉnh HD mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số **264/2017/HSST** ngày 21 tháng 12 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 267/2017/HSST - QĐ ngày 28 tháng 12 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn N1 - sinh năm 1990.

Nơi cư trú: Thôn VT, xã Cẩm Văn, huyện Cẩm Giàng, tỉnh HD. Chỗ ở: Hiện đang thi hành án tại Trại giam Hoàng Tiến, Tổng cục 8- Bộ Công an. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 8/12. Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam Tôn giáo: Không Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Văn H (Nguyễn Thanh H đã chết) và bà Hà Thị Th. Có vợ là Ngô Thị Mỹ L. Có 01 con sinh năm 2017. Tiền án, tiền sự: chưa.

+Nhân thân:

- Bản án số 28 ngày 21/6/2010 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh HD xử phạt Nguyễn Văn N1 60 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích theo quy định khoản 3 Điều 104 BLHS. Chấp hành xong ngày 02/10/2014.

- Bản án số 33 ngày 21/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh HD xử phạt Nguyễn Văn N1 12 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản theo quy định khoản 1 Điều 138 BLHS.

Bị cáo đang chấp hành hình phạt 12 tháng tù, thời hạn từ ngày 13/4/2017 tại bản án hình sự sơ thẩm số 33/2017/HSST ngày 21/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh HD tại Trại giam Hoàng Tiến- Tổng cục 8- Bộ Công an. *Có mặt tại phiên tòa.*

2. Nguyễn Văn N2 – sinh năm 1996.

Nơi cư trú: Thôn PK, xã Hồng Hưng, huyện Gia Lộc, tỉnh HD. Chỗ ở: Hiện đang thi hành án tại Trại giam Hoàng Tiến, Tổng cục 8- Bộ Công an. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 06/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Con ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị T. Tiền án, tiền sự: chưa.

+ Nhân thân:

- Quyết định số 1532/QĐ-UBND ngày 24/5/2012 của Ủy ban nhân dân huyện Gia Lộc áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng đối với Nguyễn Văn N2 về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản ngày 23/4/2012 và trộm cắp tài sản ngày 15/5/2012, thời hạn 24 tháng.

- Bản án số 27 ngày 07/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh HD xử phạt Nguyễn Văn N2 15 tháng tù giam về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo quy định khoản 1 Điều 140 BLHS.

Bị cáo đang chấp hành hình phạt 15 tháng tù, thời hạn từ ngày 26/4/2017 tại bản án hình sự sơ thẩm số 27/2017/HSST ngày 07/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh HD tại Trại giam Hoàng Tiến- Tổng cục 8- Bộ Công an. *Có mặt tại phiên tòa.*

3. Lê Văn Đ - sinh năm 1990.

Nơi cư trú: Thôn TTr, xã Yên Thọ, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Chỗ ở: Hiện đang thi hành án tại Trại giam Thanh Phong, Tổng cục 8 - Bộ Công an. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Con ông Lê Văn Đ2 và bà Vũ Thị Ph. Tiền án, tiền sự: chưa.

+ Nhân thân:

- Bản án số 52 ngày 23/9/2010 của Tòa án nhân dân huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh xử phạt Lê Văn Đ 4 năm 6 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định khoản 1 Điều 194 BLHS. Chấp hành xong ngày 25/3/2014.

- Bản án số 50 ngày 11/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh HD xử phạt Lê Văn Đ 15 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản theo quy định khoản 1 Điều 138 BLHS.

Bị cáo đang chấp hành hình phạt 15 tháng tù, thời hạn từ ngày 28/4/2017 tại bản án hình sự sơ thẩm số 50/2017/HSST ngày 11/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh HD tại Trại giam Thanh Phong- Tổng cục 8- Bộ Công an. *Có mặt tại phiên tòa.*

Người bị hại: Anh Đào Văn Đ2 (Đào Tuấn Đ2), sinh năm 1976.

Nơi cư trú: xã Liên Hồng, huyện Gia Lộc, tỉnh HD. Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Quảng Ninh- Tổng cục 8 – Bộ công an. *Có mặt tại phiên tòa.*

Nguyên đơn dân sự: Công an tỉnh HD. Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Ngọc Ph – Giám đốc Công an tỉnh HD. Người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Văn M - Giám thị Trại giam Kim Chi Công an tỉnh HD (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người làm chứng: Anh Lương Thành K, sinh năm 1989. Nơi cư trú: xã QL, huyện Tứ Kỳ, tỉnh HD. Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Hoàng Tiến- Tổng cục 8 – Bộ công an (có đơn xin xử vắng mặt).

Anh Cao Văn X, sinh năm 1977. Nơi cư trú: xã TD, huyện Kinh Môn, tỉnh HD. Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Thanh Phong- Tổng cục 8 – Bộ công an (có đơn xin xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Văn Đ, Nguyễn Văn N1 (1990), Nguyễn Văn N2 (1996) cùng với Đào Văn Đ2 ở Liên Hồng, Gia Lộc, HD đều là các bị can đang bị tạm giam tại buồng giam số 11, khu giam N3, Trại tạm giam Kim Chi - Công an tỉnh HD.

Khoảng 16h30' ngày 22/6/2017, Đ2 đi vệ sinh làm bẩn bộ bê tông (là nơi các bị can nằm) nên N1 (1990) yêu cầu Đ2 ngồi ở giữa buồng, cúi đầu, khoanh tay trước ngực rồi nói: “Sao mày cứ để anh em tao nhắc nhở về chuyện này thế”, Đ2 trả lời: “Do em nghiện, bụng dạ kém nên không nhịn được”, N1 (1990) tiếp tục nói: “Tao đánh cảnh cáo cho mày nhớ, lần sau cố mà nhịn”. Sau đó, N2 (1990) đứng trước mặt Đ2, giơ chân phải vòng qua đầu Đ2 rồi dùng gót chân nện ba phát vào lưng và sườn phải Đ2. Lúc này, Đ cũng ra đứng trước mặt Đ2 dùng tay phải tát, đâm vào mặt Đ2. Tiếp đó, N2 (1996) đi ra đứng phía sau lưng Đ2, dùng chân phải nện gót chân vào lưng và sườn phải Đ2. Đ2 kêu lên thì anh

Nguyễn Thành V là cán bộ quản giáo đang giám sát việc chia cơm tại phía ngoài buồng giam phát hiện, ngăn chặn kịp thời và phối hợp với bệnh xá của trại tạm giam đưa Đ2 đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh HD, đến ngày 06/7/2017 ra viện.

Ngày 26/6/2017, Đào Văn Đ2 có đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can đối với Nguyễn Văn N1 (1990), Lê Văn Đ và Nguyễn Văn N2 (1996).

Tại Kết luận giám định pháp y số 91/TgT ngày 19/9/2017 của Phòng giám định pháp y – Bệnh viện đa khoa tỉnh HD kết luận: Đào Văn Đ2 bị chấn thương ngực kín gây gãy 08 xương sườn, đung dập phổi, tràn máu khoang màng phổi phải, đã mổ dẫn lưu màng phổi phải, hiện ổn định. Tổn thương có đặc điểm do vật tày gây nên. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 21%.

Tại bản cáo trạng số 247/VKS-HS ngày 27/11/2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố HD truy tố các bị cáo Nguyễn Văn N1 (sinh năm 1990), Nguyễn Văn N2 (sinh năm 1996) và Lê Văn Đ về tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, tất cả các bị cáo đều thành khẩn khai nhận toàn bộ diễn biến hành vi phạm tội đã thực hiện đúng như lời khai tại Cơ quan điều tra. Xác định Viện Kiểm sát nhân dân thành phố HD truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật như bản cáo trạng đã nêu là đúng, các bị cáo không có thắc mắc gì về nội dung bản cáo trạng.

Người bị hại: Anh Đào Văn Đ2 trình bày quan điểm chỉ yêu cầu các bị cáo phải liên đới bồi thường tổn thất về tinh thần cho anh Đ2 với số tiền 9.100.000 đồng (tương đương với 07 tháng lương cơ bản) và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho tất cả các bị cáo.

Nguyên đơn dân sự: Công an tỉnh HD do ông Nguyễn Văn Hiện – Giám thị trại giam Kim Chi- Công an tỉnh HD là đại diện theo ủy quyền (có đơn xin xét xử vắng mặt) giữ nguyên quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử buộc các bị cáo phải có trách nhiệm liên đới cùng hoàn trả cho Công an tỉnh HD số tiền chi phí hợp lý điều trị nội viện do Trại giam Kim Chi bỏ ra để trả tiền viện phí trong thời gian người bị hại Đào Văn Đ2 nằm viện với số tiền 9.605.624 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố HD, tỉnh HD thực hành quyền công tố tại phiên tòa, giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn N1 (sinh năm 1990), Nguyễn Văn N2 (sinh năm 1996) và Lê Văn Đ phạm tội "Cố ý gây thương tích".

+ Về điều luật: Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 17; Điều 38; Điều 58; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Khoản 3 Điều 7 BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội;

+ Về hình phạt: Xử phạt:

- Bị cáo Nguyễn Văn N1 (sinh năm 1990) từ **36** đến **39** tháng tù. Tổng hợp với bản án hình sự sơ thẩm số 33/2017/HSST ngày 21/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh HD xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N1 **12** tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo quy định khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999, thời hạn tính từ ngày 13/4/2017. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là từ **48** đến **51** tháng tù, được trừ đi **11** tháng **19** ngày tù đã chấp hành kể từ ngày 13/4/2017 đến ngày 02/4/2018. Bị cáo còn phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là từ **36** tháng **11** ngày tù đến **39** tháng **11** ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 02/4/2018.

- Bị cáo Nguyễn Văn N2 (sinh năm 1996) từ **36** đến **39** tháng tù. Tổng hợp với bản án hình sự sơ thẩm số 27/2017/HSST ngày 07/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh HD xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N2 **15** tháng tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo quy định khoản 1 Điều 140 BLHS năm 1999, thời hạn tính từ ngày 26/4/2017. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là từ **51** đến **54** tháng tù, được trừ đi **11** tháng **06** ngày tù đã chấp hành kể từ ngày 26/4/2017 đến ngày 02/4/2018. Bị cáo còn phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là từ **39** tháng **24** ngày tù đến **42** tháng **24** ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 02/4/2018.

- Bị cáo Lê Văn Đ từ **30** đến **33** tháng tù. Tổng hợp với bản án hình sự sơ thẩm số 50/2017/HSST ngày 11/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh HD xử phạt bị cáo Lê Văn Đ **15** tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo quy định khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999, thời hạn tính từ ngày 28/4/2017. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là từ **45** đến **48** tháng tù, được trừ đi **11** tháng **04** ngày tù đã chấp hành kể từ ngày 28/4/2017 đến ngày 02/4/2018. Bị cáo còn phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là từ **33**

tháng 26 ngày tù đến 36 tháng 26 ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 02/4/2018.

+ Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 BLHS 2015(sửa đổi, bổ sung 2017); Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 587, Điều 590, Điều 357 BLDS (2015). Buộc các bị cáo Nguyễn Văn N1 (sinh năm 1990), Nguyễn Văn N2 (sinh năm 1996) và Lê Văn Đ phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả Công an tỉnh HD số tiền chi phí điều trị nội viện 15 ngày cho người bị hại Đào Văn Đ2 (từ ngày 22/6/2017-06/7/2017)gồm: Tiền xét nghiệm máu 509.900đồng; chuẩn đoán hình ảnh 1.726.000đồng; Thủ thuật, phẫu thuật 1.825.000đồng; Thuốc 2.434.281đồng; Vật tư y tế, giường bệnh 3.031.000đồng. Tổng cộng 9.605.624 đồng (trong đó chia kỷ phần mỗi bị cáo phải có trách nhiệm hoàn trả cho Công an tỉnh HD số tiền 3.201.874đồng).

- Chấp nhận sự tự nguyện của người bị hại anh Đào Văn Đ2 và các bị cáo về việc anh Đào Văn Đ2 yêu cầu các bị cáo Nguyễn Văn N1 (sinh năm 1990), Nguyễn Văn N2 (sinh năm 1996) và Lê Văn Đ phải liên đới bồi thường cho anh Đào Văn Đ2 số tiền tổn thất về tinh thần là 9.100.000đồng tương đương với 07 tháng lương cơ bản (trong đó mỗi bị cáo tự nguyện bồi thường cho anh Đào Văn Đ2 số tiền tổn thất tinh thần là 3.033.333đồng).

+ Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự (2015); Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Các bị cáo không có ý kiến gì với phần kết luận và không tham gia tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, các bị cáo nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để sớm trở về gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng:* Cơ quan điều tra Công an thành phố HD, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố HD, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố

đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về tội danh và điều khoản áp dụng*: Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với nội dung bản Cáo trạng, kết luận điều tra, lời khai của người bị hại, lời khai của những người làm chứng, sơ đồ hiện trường, Kết luận giám định về thương tích và toàn bộ các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận: Khoảng 16h30' ngày 22/6/2017, tại buồng giam số 11, khu giam N3, Trại tạm giam Kim Chi - Công an tỉnh HD thuộc khu 11 – P. Thanh Bình – TP. HD, do bức tức về việc Đào Văn Đ2 gây mất vệ sinh trong buồng giam nên Nguyễn Văn N1 (sinh năm 1990), Lê Văn Đ và Nguyễn Văn N2 (sinh năm 1996) dùng chân, tay đánh vào lưng, sườn bên phải và mặt Đ2. Hậu quả: Đào Văn Đ2 bị chấn thương ngực kín gây gãy 8 xương sườn, đụng dập phổi, tràn máu khoang màng phổi phải, mức độ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 21% (*hai mươi một phần trăm*).

Mặc dù thương tích của người bị hại là 21% nhưng trong vụ án này các bị cáo phạm tội trong thời gian đang bị tạm giam và phạm tội có tính chất côn đồ nên đã phạm vào quy định tại điểm g, i khoản 1 Điều 104 của Bộ luật hình sự BLHS 1999 (nay là khoản 2 Điều 134 BLHS 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, hành vi của các bị cáo đã phạm tội “Cố ý gây thương tích” tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 104 BLHS 1999 (nay là khoản 2 Điều 134 BLHS 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017). Như vậy Viện kiểm sát nhân dân thành phố HD truy tố đối với các bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 2 Điều 104 BLHS 1999 (nay là khoản 2 Điều 134 BLHS 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] *Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội*: Xét về tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã xâm phạm trực tiếp đến thân thể, sức khỏe của người khác, gây hậu quả nghiêm trọng làm cho anh Đào Văn Đ2 bị tổn hại 21% sức khỏe, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn tại các trại tạm giam và trại giam. Trong vụ án này qua thẩm

vấn công khai tại phiên tòa cũng như trong quá trình điều tra cho thấy các bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, giữa các bị cáo và bị hại không có mâu thuẫn gì từ trước nhưng chỉ vì những nguyên cơ nhỏ nhất bức tức việc Đ2 gây mất vệ sinh trong buồng giam, các bị cáo đã có những lời lẽ đe dọa và ra tay đánh, đấm, nện vào lưng, sườn, mặt anh Đ2 dẫn đến Đ2 bị thương tích 21% sức khỏe. Hành vi của các bị cáo thể hiện sự hung hăng, sung hùm, sung bá, có tính chất côn đồ, manh động coi thường pháp luật, các bị cáo đều đang tạm giam tại trại giam được sự quản lý của quản giáo nhưng đã bất chấp và hành động hết sức manh động, dùng vũ lực để uy hiếp người bị hại phải khuất phục mình chỉ vì những nguyên cơ nhỏ nhất đã gây gỗ hành hung người bị hại. Do đó cần xử phạt các bị cáo một mức án thật nghiêm là cần thiết, để giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời cũng nhằm ngăn ngừa chung loại tội phạm này trong xã hội.

Xét đây là vụ án đồng phạm có đồng người tham gian nhưng là đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự cấu kết chặt chẽ và đều hành động tự phát do đó cần đánh giá vai trò, vị trí của từng bị cáo trong vụ án để áp dụng mức hình phạt phù hợp với vai trò, tính chất, mức độ hậu quả của hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn N1 (sinh năm 1990) là người giữ vai trò thực hành tích cực nhất, khi thấy Đ2 là phạm nhân giam cùng phòng gây mất vệ sinh đã có những lời lẽ đe dọa Đ2 sau đó trực tiếp hành động dùng chân nện vào lưng và sườn Đ2 nhiều nhát và là nguyên nhân chính dẫn đến Đ2 bị gãy xương sườn, dập phổi và thương tích nên giữ vai trò tích cực nhất và vai trò cao hơn các bị cáo còn lại nên cần áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo cao hơn các bị cáo khác. Bị cáo là người có nhân thân xấu đã nhiều lần bị kết án nhưng không lấy đó làm bào học mà vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội chứng tỏ bị cáo là đối tượng khó cải tạo. Tuy nhiên quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, mặt khác tại phiên tòa người bị hại là anh Đào Văn Đ2 xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo đây là tình tiết giảm nhẹ khác có lợi cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) HĐXX xem xét áp dụng giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện sự nhân đạo của pháp luật.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn N2 (sinh năm 1996) là đồng phạm thực hành tích cực nhưng thấp hơn N1 (sinh năm 1990) nhưng cao hơn Đ. Bản thân bị cáo

thấy N1 đánh Đ2 đã không can ngăn, mặc dù không có mâu thuẫn gì với người bị hại nhưng chỉ vì những nguyên cơ nhỏ nhặt trong việc sinh hoạt của anh Đ2, N2 đã trực tiếp giơ chân phải vòng qua đầu Đ2 rồi dùng gót chân nện ba phát vào lưng và sườn phải Đ2 và là nguyên nhân chính gây thương tích khiến Đ2 bị gãy xương sườn, dập phổi với tỷ lệ thương tích 21%. Hành vi của bị cáo thể hiện sự côn đồ coi thường pháp luật. Bị cáo có nhân thân xấu đã bị xử phạt hành chính và đã bị kết án nhưng không coi đó là bài học để rèn luyện mà lại phạm tội chứng tỏ bị cáo là đối tượng khó cải tạo. Xét quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, tại phiên tòa người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS 2015(sửa đổi, bổ sung năm 2017), HĐXX xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Đối với bị cáo Lê Văn Đ là đồng phạm thực hành ít tích cực nhất, bản thân bị cáo không có mâu thuẫn gì với Đ2 nhưng khi thấy hai bị cáo N1 đánh Đ2 không những không can ngăn mà chỉ vì nguyên cơ rất nhỏ nhặt đã dùng tay phải tát, dấm vào mặt Đ2 nhưng không phải là hậu quả chính gây thương tích gãy xương sườn, dập phổi cho Đ2 do đó cần áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo thấp hơn các bị cáo khác và thấp nhất trong vụ án. Bị cáo có nhân thân xấu đã nhiều lần bị kết án nhưng không sửa chữa lại tiếp tục phạm tội điều đó thể hiện bị cáo khó cải tạo. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tại phiên tòa người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS 2015(sửa đổi, bổ sung năm 2017), HĐXX xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Hành vi của các bị cáo xảy ra vào ngày 22/6/2017, được đưa ra xét xử vào ngày 02/4/2018 là thời điểm Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đã có hiệu lực thi hành, mức hình phạt quy định đối với tội Cố ý gây thương tích theo quy định tại khoản 2 Điều 104 của Bộ luật hình sự năm 1999 là từ 02 năm đến 07 năm tù, trong đó mức hình phạt quy định đối với tội Cố ý gây thương tích theo quy định tại khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015(sửa đổi, bổ sung năm 2017) nhẹ hơn là từ 02 năm đến 06 năm tù, quy định này có lợi hơn cho người phạm tội. Do vậy căn cứ Khoản 3 Điều 7 BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; Công

văn số 04/TANDTC-PC ngày 09/01/2018 về việc áp dụng BLHS năm 2015 và Nghị quyết 41 của Quốc hội. HĐXX áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để quyết định hình phạt đối với bị cáo là phù hợp.

Trong vụ án này khi xét xử, các bị cáo đều đang chấp hành một bản án mà lại bị xét xử về tội đã phạm trước khi có bản án này, nên sau khi tổng hợp hình phạt của hai bản án, các bị cáo sẽ được trừ đi thời gian đã chấp hành của bản án trước theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Nguyễn Văn N1 (sinh năm 1990) đang phải chấp hành hình phạt 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 13/4/2017 về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS tại bản án hình sự sơ thẩm số 33/2017/HSST ngày 21/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh HD. Tính đến ngày xét xử bị cáo đã chấp hành được 11 tháng 19 ngày tù.

Bị cáo Nguyễn Văn N2 (sinh năm 1996) đang phải chấp hành hình phạt 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 26/4/2017 về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo quy định khoản 1 Điều 140 BLHS năm 1999, tại bản án hình sự sơ thẩm số 27/2017/HSST ngày 07/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh HD. Tính đến ngày xét xử bị cáo đã chấp hành được 11 tháng 06 ngày tù.

Bị cáo Lê Văn Đ đang phải chấp hành hình phạt 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 28/4/2017 về tội Trộm cắp tài sản theo quy định khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999, tại bản án hình sự sơ thẩm số 50/2017/HSST ngày 11/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh HD. Tính đến ngày xét xử bị cáo đã chấp hành được 11 tháng 04 ngày tù.

[4] *Về trách nhiệm dân sự*: Hành vi phạm tội của các bị cáo làm anh Đào Văn Đ2 phải điều trị nội viện 15 ngày (từ ngày 22/6/2017-06/7/2017) chi phí gồm: Tiền xét nghiệm máu 509.900đồng; chuẩn đoán hình ảnh 1.726.000đồng; Thủ thuật, phẫu thuật 1.825.000đồng; Thuốc 2.434.281đồng; Vật tư y tế 79.443đồng; giường bệnh 3.031.000đồng, cộng các khoản = 9.605.624đồng số tiền này do Trại tạm giam Kim Chi – Công an tỉnh HD bỏ ra chi phí trả tiền viện phí cho anh Đ2. Xét thấy, chi phí trong quá trình điều trị của anh Đ2 do Trại giam Kim Chi – Công an tỉnh HD thanh toán và đều có hóa đơn, chứng từ hợp pháp nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu trên. Vì vậy cần buộc các bị cáo phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả số tiền này cho Công an tỉnh HD là phù hợp (trong

đó các bị cáo tự nguyện mỗi bị cáo hoàn trả cho Công an tỉnh HD số tiền là 3.201.874đồng).

Hành vi phạm tội của các bị cáo gây thương tích cho anh Đ2 với tỷ lệ thương tích là 21% phải vào viện điều trị, ngoài việc trực tiếp gây tổn hại cho sức khỏe của anh Đ2, hành vi của các bị cáo còn gây một phần tổn thất về tinh thần cho người bị hại. Trong quá trình điều tra người bị hại yêu cầu các bị cáo phải bồi thường một phần tổn thất tinh thần với số tiền 50.000.000đồng. Tuy nhiên tại phiên tòa người bị hại anh Đào Văn Đ2 thay đổi chỉ yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền tổn thất tinh thần là 9.100.000đồng, các bị cáo đều nhất trí mỗi bị cáo liên đới bồi thường cho anh Đ2 3.033.333đồng. Xét yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại tổn thất về tinh thần của người bị hại là chính đáng, tại phiên tòa giữa người bị hại và các bị cáo đã thỏa thuận được với nhau về việc bồi thường thiệt hại nên cần chấp nhận sự tự nguyện này là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] *Về án phí và quyền kháng cáo*: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo: Nguyễn Văn N1 (sinh năm 1990), Nguyễn Văn N2 (sinh năm 1996) và Lê Văn Đ phạm tội "Cố ý gây thương tích".

+ **Áp dụng:** Điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 17; Điều 38; Điều 58; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của BLHS 2015(sửa đổi, bổ sung năm 2017); Khoản 3 Điều 7 BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội;

- **Xử phạt:** Bị cáo Nguyễn Văn N1 (sinh năm 1990) **39** (ba mươi chín) tháng tù. Tổng hợp với bản án hình sự sơ thẩm số 33/2017/HSST ngày 21/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh HD xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N1 **12** tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999, thời hạn tù tính từ ngày 13/4/2017. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là **51**(năm mươi một) tháng tù, được trừ đi **11** (mười một) tháng **19** (mười chín) ngày tù đã chấp hành kể từ ngày 13/4/2017 đến ngày 02/4/2018 của bản án hình sự sơ thẩm số 33/2017/HSST

ngày 21/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh HD. Bị cáo còn phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là **39** (ba mươi chín) tháng **11** (mười một) ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 02/4/2018.

- **Xử phạt:** Bị cáo Nguyễn Văn N2 (sinh năm 1996) **36** (ba mươi sáu) tháng tù. Tổng hợp với bản án hình sự sơ thẩm số 27/2017/HSST ngày 07/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh HD xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N2 **15** tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định khoản 1 Điều 140 BLHS năm 1999, thời hạn tù tính từ ngày 26/4/2017. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là **51** (năm mươi một) tháng tù, được trừ đi **11** (mười một) tháng **06** (sáu) ngày tù đã chấp hành kể từ ngày 26/4/2017 đến ngày 02/4/2018 của bản án hình sự sơ thẩm số 27/2017/HSST ngày 07/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh HD. Bị cáo còn phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là **39** (ba mươi chín) tháng **24** (hai mươi bốn) ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 02/4/2018.

- **Xử phạt:** Bị cáo Lê Văn Đ **30** (ba mươi) tháng tù. Tổng hợp với bản án hình sự sơ thẩm số 50/2017/HSST ngày 11/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh HD xử phạt bị cáo Lê Văn Đ **15** tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999, thời hạn tính từ ngày 28/4/2017. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là **45** (bốn mươi lăm) tháng tù, được trừ đi **11** (mười một) tháng **04** (bốn) ngày tù đã chấp hành kể từ ngày 28/4/2017 đến ngày 02/4/2018 của bản án hình sự sơ thẩm số 50/2017/HSST ngày 11/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh HD. Bị cáo còn phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là **33** (ba mươi ba) tháng **26** (hai mươi sáu) ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 02/4/2018.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự (2015 sửa đổi, bổ sung 2017); Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 587, Điều 590, Điều 357 Bộ luật dân sự (2015).

- Buộc các bị cáo Nguyễn Văn N1 (sinh 1990), Nguyễn Văn N2 (sinh năm 1996) Lê Văn Đ phải có trách nhiệm hoàn trả Công an tỉnh HD số tiền chi phí điều trị nội viện 15 ngày cho người bị hại Đào Văn Đ2 (từ ngày 22/6/2017-

06/7/2017) gồm: Tiền xét nghiệm máu 509.900đồng; chuẩn đoán hình ảnh 1.726.000đồng; Thủ thuật, phẫu thuật 1.825.000đồng; Thuốc 2.434.281đồng; Vật tư y tế 79.443đồng; giường bệnh 3.031.000đồng, tổng cộng 9.605.624 đồng (trong đó chia kỹ phần mỗi bị cáo phải có trách nhiệm hoàn trả cho Công an tỉnh HD số tiền 3.201.874đồng (ba triệu hai trăm linh một nghìn tám trăm bảy mươi tư đồng).

- Chấp nhận sự tự nguyện của người bị hại anh Đào Văn Đ2 và các bị cáo về việc thỏa thuận được với nhau về việc bồi thường thiệt hại. Buộc các bị cáo Nguyễn Văn N1 (sinh năm 1990), Nguyễn Văn N2 (sinh năm 1996) và Lê Văn Đ phải liên đới bồi thường cho anh Đào Văn Đ2 (tên gọi khác Đào Tuấn Đ2) số tiền tổn thất về tinh thần là 9.100.000đồng (chín triệu một trăm nghìn đồng) (trong đó chia kỹ phần mỗi bị cáo phải bồi thường 3.033.333đồng).

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; điểm a, f khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Nguyễn Văn N1 (sinh năm 1990), Nguyễn Văn N2 (sinh năm 1996) và Lê Văn Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Nguyên đơn dân sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh HD;
- VKSND Tp HD;
- Công an Tp HD;
- Các bị cáo;
- Người bị hại;
- Nguyên đơn dân sự;
- Trại giam Kim Chi;
- Trại giam Hoàng Tiến – Tổng cục 8;
- Trại giam Thanh Phong – Tổng cục 8;
- Trại giam Quảng Ninh – Tổng cục 8;
- Sở tư pháp tỉnh HD;
- Phòng HSNVCS Công an tỉnh;
- UBND các phường nơi các bị cáo cư trú;
- Chi cục THADS Tp HD (án có hiệu lực);
- Lưu VP - Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Quang Minh